TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 232/2020/QĐST-DS	*Quận 7, ngày 18 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người bị mất năng lực hành vi dân sự.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Khắc Dương.

Thư ký phiên họp: Bà Lương Vũ Thùy Dung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 235/2020/TLST-DS ngày 30/6/2020 về việc "Yêu cầu tuyên bố một người bị mất năng lực hành vi" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 207/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phan Đức T, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: đường C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: đường D, phường Q, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: đường số A, phường B, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 000344, quyển số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/5/2020). (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1941. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: đường c, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: đường D, phường Q, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Ông Phan Đức T có cha là ông Phan Văn Đ, sinh ngày 01/5/1927 và mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1941, cha mẹ ông chỉ có người con duy nhất là ông Phan Đức T.

Hiện nay cha ông vì tuổi cao nên thể trạng tinh thần không được hoàn toàn minh mẫn, ông Đ không thể tự mình thực hiện được các sinh hoạt cá nhân, giao tiếp xã hội và thực hiện được các giao dịch dân sự. Còn mẹ ông hiện nay tuổi đã cao, sức khỏe yếu. Cha mẹ ông T chỉ có một người con duy nhất là ông, hiện nay ông có đủ điều kiện về kinh tế, vật chất để có thể là người chăm sóc cha và là người giám hộ cho ông Đ. Do đó, ông yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Đ là người mất năng lực hành vi dân sự và chỉ định ông T là người giám hộ cho ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 7 nhận định:

[01] - *Về pháp luật tố tụng:*

[02] Ông T yêu cầu tuyên bố cha ruột là ông Đ, sinh ngày 01/5/1927; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: đường D, phường Q, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị mất năng lực hành vi dân sự.

[03] Theo kết quả xác minh của công an phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Ông Đ, sinh năm 1927 có vợ là bà H, sinh năm 1941 và có một con là ông T, sinh năm 1976; Tại Trích lục khai sinh số 2964/TLKS-BS ngày 05/9/2018 của Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông T là con của ông Đ và bà H.

[04] Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, các điểm a khoản 2 Điều 39 và Điều 376 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông T có quyền yêu cầu và yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[05] Người yêu cầu có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 7 tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[06] - *Về pháp luật nội dung:*

[07] Ông T yêu cầu tuyên bố cha ruột là ông Đ bị mất năng lực hành vi dân sự, Tòa án nhận thấy:

[08] Theo ông T trình bày thì hiện nay ông Đ tuổi cao nên thể trạng tinh thần không được hoàn toàn minh mẫn, ông Đ không thể tự mình thực hiện được các sinh hoạt cá nhân, giao tiếp xã hội và thực hiện được các giao dịch dân sự.

[09] Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 1676/KLGĐ ngày 06/8/2020 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh kết luận đối với ông Đ như sau:

[10] Về y học: Sa sút tâm thần tuổi già, mức độ nặng (F03-ICD10);

[11] Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

[12] Như vậy, ý kiến trình bày của đương sự phù hợp với kết luận giám định.

[13] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đề nghị Tòa án nhân dân Quận 7 chấp nhận yêu cầu của ông T, tuyên bố ông Đ bị mất năng lực hành vi dân sự.

[14] Xét yêu cầu của ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố cha ruột của ông là ông Đ, sinh ngày 01/5/1927 bị mất năng lực hành vi dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

[15] Đối với yêu cầu chỉ định ông T là người giám hộ của ông Đ. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào Điều 53 và Điều 54 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì chưa đủ cơ sở để Tòa án chỉ định người giám hộ cho ông Đ nên yêu cầu này không được chấp nhận.

[16] - Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 367, các Điều 371, 372, 376, 377 và 378 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông T về việc yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự:

Tuyên bố ông Đ, sinh ngày 01/5/1927; Chứng minh nhân dân số: ./., ngày cấp: .../.../2015, nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: đường D, phường Q, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người mất năng lực hành vi dân sự.

Thời điểm xác định ông Đ mất năng lực hành vi dân sự là ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông T về việc chỉ định ông T là người giám hộ cho ông Đ.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0032712 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, như vậy ông T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND P.T, Quận A;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

(TK Dung)

Đỗ Khắc Dương

- Căn cứ[19].....

.....

- [20].....

Đối với ông Phan Văn Đính, sinh ngày 01/5/1927; Chứng minh nhân dân số: 020045454, ngày cấp: 17/4/2015, nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 16 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: Số 103 đường số 47, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự[21].....

.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị[22].....

.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án[23].....

.....

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Khắc Dương

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: "Số: 20/2018/QĐST-KDTM".

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày … tháng … năm ….."

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại…… là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ……..là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày….. tháng…. năm….).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi hợtên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi: **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**